

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2628 /UBND
V/v cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất các địa chỉ nhà đất
đã được duyệt phương án trên
địa bàn huyện

Cần Giờ, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Xét nội dung Báo cáo số 1163/BC-TCKH ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các địa chỉ nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện kê khai, đăng ký và cung cấp các giấy tờ liên quan các địa chỉ nhà đất quản lý (Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,...) theo mẫu biểu quy định để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận các địa chỉ đất (Đính kèm danh sách).

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các tổ chức, đơn vị thực hiện kê khai và kiểm tra các giấy tờ pháp lý liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận.

3. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, tổng hợp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- VP: CVP, PVP/TH;
- Lưu: VT, TCKH -Trung, Thg.vtruu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Xuân

BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐỊA CHỈ NHÀ ĐẤT LẬP THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Đính kèm Công văn số 2678/UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên trụ sở nhà, đất	Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích	
				Thửa	Tờ
1	2	3	4	5	6
I Khối cơ quan hành chính - sự nghiệp, đoàn thể					
1	Trụ sở Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng (cũ)	VP. UBND huyện Cần Giờ	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	91	33
2	Trụ sở UBND huyện Cần Giờ	VP. UBND huyện Cần Giờ	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	82, 83, 84	32
3	Nhà công vụ Bình Khánh	Phòng Giáo dục và đào tạo	Ấp Bình Trung, xã Bình Khánh	94, 95, 104, 105	6
4	Nhà lưu trú công vụ xã Thạnh An	Phòng Giáo dục và đào tạo	ấp Thạnh Hoà, xã Thạnh An	28	41
5	Trụ sở Ban Quản lý khu du lịch 30/4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Đường Thạnh Thới, xã Long Hoà	12	91
6	Nhà mở Tam Thôn Hiệp	Phòng Lao động Thương binh xã hội	ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	40	51
7	Trụ sở UB Mặt trận Tổ quốc	UB Mặt trận Tổ quốc	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	68	31
8	Trụ sở Hội Cựu Chiến binh	Hội Cựu Chiến binh	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	18, 19, 20, 22, 24	12
9	Trụ sở Nhà Thiếu nhi	Nhà Thiếu nhi	Đường Lê Hùng Yên, thị trấn Cần Thạnh	8	35
10	Trụ sở Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	Trung tâm chính trị	Đường Lương Văn Nho, thị trấn Cần Thạnh	5a	37
11	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã An Thới Đông	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	8	52
12	Trụ sở Trung tâm Văn hoá huyện	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Đường Đào Cừ, thị trấn Cần Thạnh	9	35
13	Trụ sở Trung tâm Văn hoá huyện (cũ)	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	88	5
14	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Long Hòa	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Đường Nguyễn Văn Mạnh, ấp Long Thạnh, xã Long Hoà	1	123
15	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Lý Nhơn	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Đường Lý Nhơn, ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	65	89, 72
16	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Thạnh An	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	ấp Thạnh Hoà, xã Thạnh An	71, 72	41
17	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tam Thôn Hiệp	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	9	51
18	Sân bóng đá Tam Thôn Hiệp (Trụ sở ấp An Lộc)	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	1	51
19	Trụ sở Đài truyền thanh huyện	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	32	7
20	Trụ sở Trung tâm Thể dục thể thao huyện	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện	Khu phố Miếu Ba, thị trấn Cần Thạnh	4, 6, 7, 9a	36
21	Trụ sở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Ấp Bình An, xã Bình Khánh	67	73
22	Trụ sở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	4, 5b	37
II Khối Xã, thị trấn					
1	UBND xã An Thới Đông				

STT	Tên trụ sở nhà, đất	Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích	
				Thửa	Tờ
23	Trụ sở Văn phòng UBND xã An Thới Đông	UBND xã An Thới Đông	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	1, 2, 40, 41	52
24	Trụ sở ấp An Nghĩa	UBND xã An Thới Đông	Ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	80	38
25	Trụ sở ấp Dơi Lầu	UBND xã An Thới Đông	Ấp Dơi Lầu, xã An Thới Đông	31	120
26	Nhà Văn hóa thể thao ấp Dơi Lầu	UBND xã An Thới Đông	ấp Dơi Lầu, xã An Thới Đông	31	120
27	Nhà Văn hóa thể thao ấp An Nghĩa	UBND xã An Thới Đông	ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	709	38
2 UBND xã Bình Khánh					
28	UBND huyện	UBND xã Bình Khánh	Đường Rừng Sác, ấp Bình Thuận, xã Bình Khánh	1	17
29	Trụ sở Văn phòng UBND xã Bình Khánh	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình An, xã Bình Khánh	3, 6, 8	84
30	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Thạnh	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh	46, 48	141
31	Trụ sở ấp Bình Mỹ	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	56, 57	30
32	Trụ sở ấp Bình Lợi	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Lợi, xã Bình Khánh	10	162
33	Trụ sở ấp Bình An	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình An, xã Bình Khánh	73	84
34	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Trung	UBND xã Bình Khánh	Đường Trần Quang Đạo, ấp Bình Trung, xã Bình Khánh	60	8
35	Điểm cung cấp nước	UBND xã Bình Khánh	ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	29	2
36	Trụ sở ấp Bình Trung (cũ)	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Trung, xã Bình Khánh	104	9
37	Trụ sở ấp Bình Thạnh (cũ)	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh	40	143
38	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Phước	UBND xã Bình Khánh	Ấp Bình Phước, xã Bình Khánh	169, 170	12
3 UBND thị trấn Cần Thạnh					
39	Trụ sở Văn phòng UBND thị trấn Cần Thạnh	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Miếu Ba, thị trấn Cần Thạnh	10	47
40	Trụ sở Khu phố Hưng Thạnh	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Hưng Thạnh, thị trấn Cần Thạnh	170	1
41	Trụ sở Khu phố Phong Thạnh và điểm sinh hoạt văn hóa Khu phố Phong Thạnh	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh	199	2
42	Trụ sở Khu phố Miếu Nhì	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	10	8
43	Trụ sở Khu phố Giồng Ao	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh	63	22
44	Trụ sở Khu phố Miếu Ba và điểm sinh hoạt văn hóa khu phố Miếu Ba	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Miếu Ba, thị trấn Cần Thạnh	24	46
45	Trụ sở Khu phố Miếu Ba	UBND thị trấn Cần Thạnh	Khu phố Miếu Ba, thị trấn Cần Thạnh	24 (17)	46 (43)
4 UBND xã Long Hòa					
46	Nhà tập thể giáo viên	UBND xã Long Hòa	Đường Nguyễn Văn Mạnh, ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	39	131

STT	Tên trụ sở nhà, đất	Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích	
				Thửa	Tờ
47	Nhà Văn hóa thể thao ấp Đồng Hòa	UBND xã Long Hòa	Ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa	72	180
48	Trụ sở UBND xã Long Hoà	UBND xã Long Hòa	Đường Rừng Sác, ấp Long Thạnh, xã Long Hoà	512,513	46
49	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hòa Hiệp	UBND xã Long Hòa	Ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa	80	36
50	Nhà đọc sách Long Thạnh	UBND xã Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	51	133
51	Trụ sở ấp Đồng Hòa	UBND xã Long Hòa	Ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa	127	179
52	Nhà trạm thuế Long Thạnh	UBND xã Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	40	131
53	Trụ sở ấp Hòa Hiệp	UBND xã Long Hòa	Ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa	77	36
54	Trụ sở ấp Đồng Tranh + Trạm thuế Đồng Tranh	UBND xã Long Hòa	Ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa	1, 3	180
5 UBND xã Lý Nhơn					
55	UBND xã Lý Nhơn (cũ)	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	13	65
56	Trụ sở ấp Lý Hòa Hiệp	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn	55	22
57	Trụ sở UBND xã Lý Nhơn	UBND xã Lý Nhơn	Đường Lý Nhơn, ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	78	89
58	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Tân Điền	UBND xã Lý Nhơn	ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	19	97
59	Trụ sở ấp Tân Điền	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	53	87
60	Công an xã	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	12	65
61	Nhà đọc sách	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	12	65
62	Trụ sở ấp Lý Thái Bửu	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	70	59
63	Nhà lưu trú cho giáo viên và cán bộ xã Lý Nhơn	UBND xã Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	33	67
6 UBND xã Thạnh An					
64	Trụ sở Văn phòng UBND xã Thạnh An	UBND xã Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An	89, 90	40
65	Trụ sở ấp Thiềng Liềng	UBND xã Thạnh An	Ấp Thiềng Liềng, xã Thạnh An	79	22
66	Trụ sở ấp Thạnh Bình	UBND xã Thạnh An	Ấp Thạnh Bình, xã Thạnh An	86	38
67	Trụ sở ấp Thạnh Hòa	UBND xã Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An	8	41
68	Trụ sở Công an xã Thạnh An	UBND xã Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An	17	40
69	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Thạnh An	UBND xã Thạnh An	ấp Thạnh Hoà, xã Thạnh An	36	39
7 UBND xã Tam Thôn Hiệp					
70	Trụ sở Văn phòng UBND xã Tam Thôn Hiệp	UBND xã Tam Thôn Hiệp	Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	41, 48, 49, 54	40
71	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp An Phước	UBND xã Tam Thôn Hiệp	Ấp An Phước, xã Tam Thôn Hiệp	40,41	34
72	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Trần Hưng Đạo	UBND xã Tam Thôn Hiệp	Ấp Trần Hưng Đạo - xã Tam Thôn Hiệp	65	6
73	Trụ sở ấp An Hòa	UBND xã Tam Thôn Hiệp	Ấp An Hòa, xã Tam Thôn Hiệp	63	58

STT	Tên trụ sở nhà, đất	Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích	
				Thửa	Tờ
III	Khối trường học				
1	Khối mầm non, mẫu giáo				
74	Trường Mầm non Dơi Lầu (Cá Cháy)	Trường Mầm non Dơi Lầu	ấp Dơi Lầu, xã An Thới Đông	41	105
75	Trường Mầm non Dơi Lầu (cơ sở An Nghĩa)	Trường Mầm non Dơi Lầu	Ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	59	37
76	Trường Mầm non Dơi Lầu (cơ sở TH An Nghĩa cũ)	Trường Mầm non Dơi Lầu	Ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	33	37
77	Trường Mẫu giáo An Thới Đông	Trường Mầm non An Thới Đông	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	102, 135	51
78	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã An Thới Đông	Trường Mầm non An Thới Đông	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	102, 135	51
79	Trường Mẫu giáo An Thới Đông (cơ sở An Đông)	Trường Mẫu giáo An Thới Đông	Ấp An Đông, xã An Thới Đông	5, 10	62
80	Trường Mẫu giáo An Thới Đông (cơ sở Hốc Hòa)	Trường Mẫu giáo An Thới Đông	Ấp Bàu Thờ, xã An Thới Đông	60	57
81	Trường Mẫu giáo Bình Khánh	Trường Mầm non Bình Khánh	Ấp Bình Phước, xã Bình Khánh	6, 59	27, 29
82	Trường Mầm non Bình An	Trường Mầm non Bình An	Ấp Bình An, xã Bình Khánh	15, 24	84
83	Trường Mầm non Bình An (cơ sở Bình Lợi)	Trường Mầm non Bình An	ấp Bình Lợi, xã Bình Khánh	26	164
84	Trường Mầm non Bình An (cơ sở Bình Thạnh)	Trường Mầm non Bình An	Ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh	72	141
85	Trường Mầm non Cần Thạnh	Trường Mầm non Cần Thạnh	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	23	8
86	Trường Mẫu giáo Cần Thạnh	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	18	14
87	Trường Mầm non Đồng Tranh (Trường Mẫu giáo Long Hòa - cơ sở Đồng Hòa)	Trường Mầm non Đồng Tranh	Ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa	43	169
88	Trường Mẫu giáo Long Hòa (cơ sở Long Thạnh)	Trường Mẫu giáo Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	15	133
89	Trường Mẫu giáo Long Hòa	Trường Mẫu giáo Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	28	122
90	Trường Mẫu giáo Long Hòa (cơ sở Hòa Hiệp)	Trường Mẫu giáo Long Hòa	Ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa	54	37
91	Trường Mẫu giáo Lý Nhơn	Trường Mẫu giáo Lý Nhơn	Ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	24	66
92	Trường Mầm non Lý Nhơn (cơ sở Vàm Sát)	Trường Mầm non Lý Nhơn	ấp Lý Hoà Hiệp, xã Lý Nhơn	1, 12	30
93	Trường Mẫu giáo Thạnh An	Trường Mầm non Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An	103	40
94	Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp	Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp	Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	2	43
95	Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp (cơ sở An Hòa)	Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp	Ấp An Hòa, xã Tam Thôn Hiệp	64	58
2	Khối Tiểu học				
96	Trường Tiểu học An Thới Đông	Trường Tiểu học An Thới Đông	Ấp An Hòa, xã An Thới Đông	72	49
97	Trường Tiểu học Dơi Lầu	Trường Tiểu học Dơi Lầu	Ấp Dơi Lầu, xã An Thới Đông	29	120
98	Trường Tiểu học Dơi Lầu (cơ sở Cá Cháy)	Trường Tiểu học Dơi Lầu	Ấp Dơi Lầu, xã An Thới Đông	76	105
99	Trường Tiểu học An Nghĩa	Trường Tiểu học An Nghĩa	ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	76	32

STT	Tên trụ sở nhà, đất	Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích	
				Thửa	Tờ
100	Trường Tiểu học An Thới Đông (cơ sở Rạch Lá)	Trường Tiểu học An Thới Đông	Ấp Rạch Lá, xã An Thới Đông	129	11
101	Trường Tiểu học An Thới Đông (cơ sở An Đông)	Trường Tiểu học An Thới Đông	Ấp An Đông, xã An Thới Đông	61	57
102	Trường Tiểu học Bình Phước	Trường Tiểu học Bình Phước	Ấp Bình An, xã Bình Khánh	21, 22	84
103	Trường Tiểu học Bình Phước (cơ sở Bình Lợi)	Trường Tiểu học Bình Phước	Ấp Bình Lợi, xã Bình Khánh	4, 5	164
104	Trường Tiểu học Bình Khánh	Trường Tiểu học Bình Khánh	Ấp Bình Phước, xã Bình Khánh	62	17
105	Trường Tiểu học Bình Phước (cơ sở kinh ông Cà)	Trường Tiểu học Bình Phước	Ấp Bình Trung, xã Bình Khánh	16	96
106	Trường Tiểu học Bình Mỹ (Phân hiệu)	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	57	30
107	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Ấp Bình Mỹ - xã Bình Khánh	57	30
108	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Trường Tiểu học Bình Mỹ	Ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	171, 172	31
109	Trường Tiểu học Cần Thạnh	Trường Tiểu học Cần Thạnh	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	1	6
110	Trường Tiểu học Đồng Hòa	Trường Tiểu học Đồng Hòa	Ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa	7	171
111	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	Ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa	75, 76	37
112	Trường Tiểu học Long Thạnh	Trường Tiểu học Long Thạnh	Đường Duyên Hải, xã Long Hoà	8a	125
113	Trường Tiểu học Lý Nhơn	Trường Tiểu học Lý Nhơn	ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	1	72
114	Trường Tiểu học Vàm Sát (cũ)	Trường Tiểu học Vàm Sát	Ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn	19	21
115	Trường Tiểu học Vàm Sát	Trường Tiểu học Vàm Sát	Ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn	1, 12	30
116	Trường Tiểu học Thạnh An	Trường Tiểu học Thạnh An	Ấp Thạnh Bình, xã Thạnh An	55, 121	38, 39
117	Trường Tiểu học Thạnh An (cơ sở Thiềng Liềng)	Trường Tiểu học Thạnh An	Ấp Thiềng Liềng, xã Thạnh An	66	22
118	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	Ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	1	43
3 Khối THCS					
119	Trường THCS An Thới Đông	Trường THCS An Thới Đông	Ấp An Đông, xã An Thới Đông	7	62
120	Trường THCS Bình Khánh	Trường THCS Bình Khánh	ấp Bình An, xã Bình Khánh	20, 23	84
121	Trường THCS Cần Thạnh	Trường THCS Cần Thạnh	Khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh	49	7
122	Trường THCS Long Hòa	Trường THCS Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	4	125
123	Trường cấp II Long Hòa	Trường THCS Long Hòa	Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa	42a, 42b	131
124	Trường THCS Lý Nhơn	Trường THCS Lý Nhơn	Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn	77	89
125	Trường THCS Dơi Lầu	Trường THCS Dơi Lầu	ấp Lý Hoà Hiệp, xã Lý Nhơn	15	2
126	Trường THCS Thạnh An	Trường THCS Thạnh An	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An	102	40
127	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp	24, 27, 28	50

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2022

Số: **10573** /STNMT-QLĐ

Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất cho các tổ chức trực thuộc Ủy ban
nhân dân huyện Cần Giờ đang quản lý,
sử dụng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 6366/UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đề nghị có ý kiến trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đang quản lý, sử dụng; Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Liên quan việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đang quản lý, sử dụng, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến hướng dẫn tại Văn bản số 2859/TNMT-QLSDĐ ngày 01 tháng 4 năm 2016 và Văn bản số 2291/STNMT-VP ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ rà soát, lập hồ sơ đối với các cơ sở nhà đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thành phần hồ sơ như sau:

1. Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK);
2. Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 04b/ĐK);
3. Danh sách các thửa đất của cùng một người sử dụng đất, người được giao quản lý (Mẫu số 04c/ĐK);
4. Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất (Mẫu số 04d/ĐK);
5. Báo cáo Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo (Mẫu số 08a/ĐK);
6. Thống kê các thửa đất (Mẫu số 08b/ĐK);

(Các biểu mẫu từ 1 đến 6 lấy tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính).

7. Giấy tờ về pháp nhân của tổ chức sử dụng đất (Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ...);

8. Bản đồ hiện trạng vị trí hoặc trích lục hồ sơ kỹ thuật thửa đất của khu đất; trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);

9. Các văn bản thể hiện nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đất như: Quyết định giao, thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy chứng nhận về nhà, đất hoặc các giấy tờ có liên quan đề được sử dụng nhà, đất, các chứng từ về thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất, văn bản xử phạt vi phạm hành chính về đất đai và xây dựng,

10. Phê duyệt sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (đối với tổ chức sử dụng đất là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội); Quyết định về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu (VP, QLĐ). {3}
- Vphuoc/Hs33/58*

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Thanh Tâm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN
SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI
SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ thường trú⁽¹⁾:

2. Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ ☐	Đăng ký quyền quản lý đất ☐	(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất ☐	Cấp GCN đối với tài sản trên đất ☐	

3. Thừa đất đăng ký ⁽²⁾

3.1. Thừa đất số:; 3.2. Tờ bản đồ số:

3.3. Địa chỉ tại:

3.4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

3.5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

3.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

3.7. Nguồn gốc sử dụng⁽³⁾:

3.8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.1. Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình⁽⁴⁾:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.2. Rừng sản xuất là rừng trồng:	4.3. Cây lâu năm:
a) Loại cây chủ yếu: b) Diện tích: m ² ; c) Nguồn gốc tạo lập: - Tự trồng rừng: ☐ - Nhà nước giao không thu tiền: ☐ - Nhà nước giao có thu tiền: ☐ - Nhận chuyển quyền: ☐ - Nguồn vốn trồng, nhận quyền: ☐ d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; đ) Thời hạn sở hữu đến:	a) Loại cây chủ yếu:; b) Diện tích:m ² ; c) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; d) Thời hạn sở hữu đến:
5. Những giấy tờ nộp kèm theo:	
6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính: Đề nghị khác:	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:
- Nguồn gốc sử dụng đất:
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:
- Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
- Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
- Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

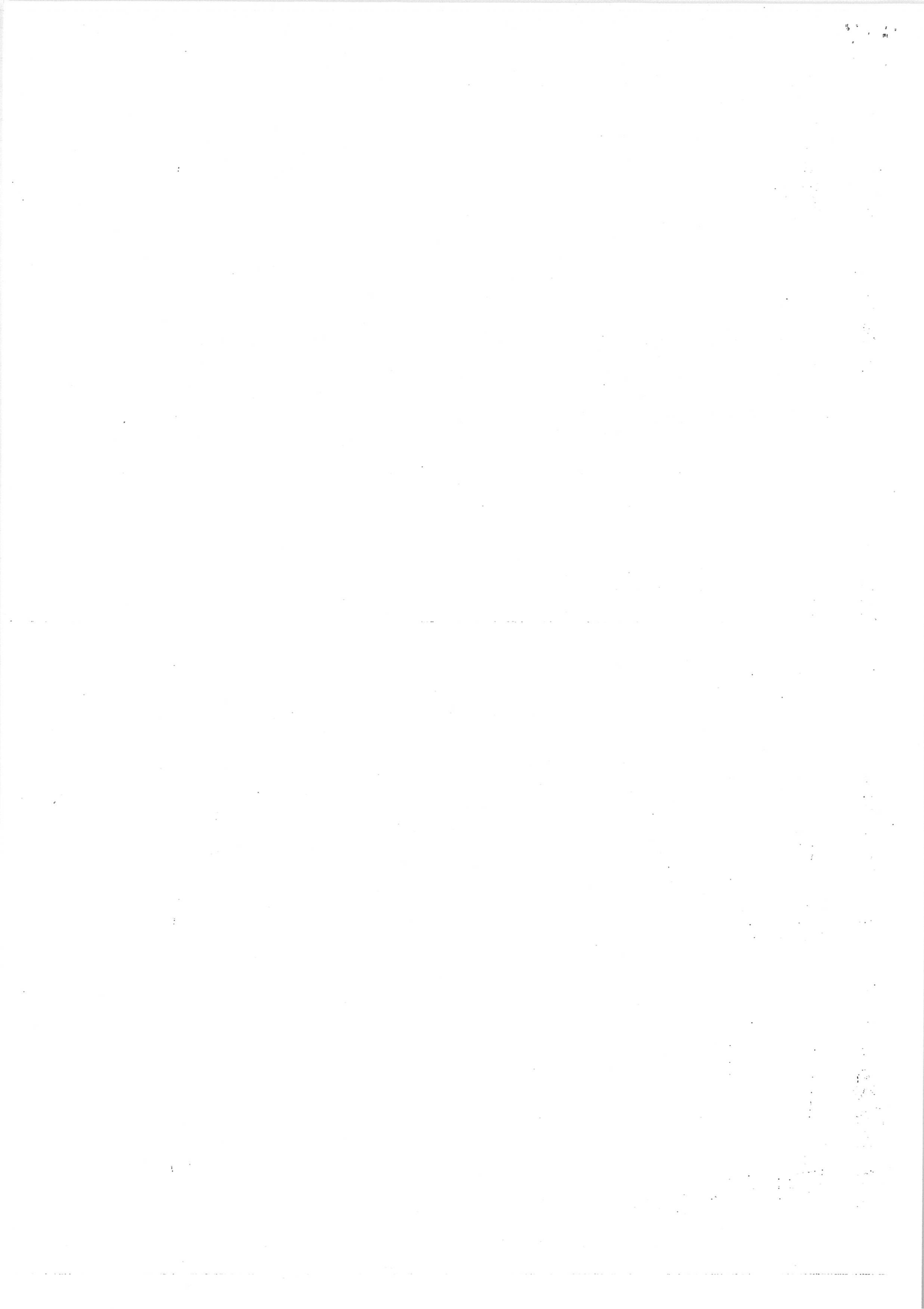
Hướng dẫn:

(1) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).

(2) Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).

(3) Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.

(4) Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, ...



Tên tổ chức báo cáo:
Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08a/ĐK

Số: /BC

....., ngày ... tháng ... năm 20

BÁO CÁO

Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

I. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tên tổ chức sử dụng đất:

2. Địa chỉ khu đất (ghi số tờ bản đồ, số thửa đất và tên đơn vị hành chính nơi có đất):

(Trường hợp khu đất có nhiều thửa đất thì lập danh sách từng thửa đất kèm theo)

3. Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: m²; trong đó:

3.1. Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: m²

3.2. Diện tích đất đang liên doanh liên kết sử dụng: m²

3.3. Diện tích đất đang cho thuê, cho mượn sử dụng: m²

3.4. Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: m²

3.5. Diện tích đất đang có tranh chấp sử dụng: m²

3.6. Diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho hộ gia đình cán bộ, công nhân viên của đơn vị đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ: m²

3.7. Diện tích đất chưa sử dụng: m²

3.8. Diện tích khác: m²

4. Mục đích sử dụng đất:

4.1. Mục đích theo Quyết định giao đất, cho thuê đất:

4.2. Mục đích thực tế đang sử dụng:

- : m²

- : m²

5. Tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp của tổ chức):

Loại tài sản	Diện tích XD hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (công suất)	Hình thức sở hữu chung, riêng	Đặc điểm của tài sản (số tầng, kết cấu, cấp hạng công trình; loại cây rừng, cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu

II. THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

Sử dụng từ ngày tháng năm Thời hạn sử dụng đến ngày tháng năm

III. NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất: m²
2. Diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: m²
3. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê một lần: m²
4. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê nhiều lần: m²
5. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê hàng năm: m²
6. Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: m²
7. Diện tích đất có nguồn gốc khác (ghi cụ thể): m²

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Loại nghĩa vụ tài chính về đất đai đã thực hiện hoặc chưa thực hiện
 - 1.1. Tiền sử dụng đất đã nộp:đ; Số tiền còn nợ: đ
 - 1.2. Tiền thuê đất đã nộp:đ, tính đến ngày .../.../...,
 - 1.3. Thuế chuyển quyền SDD đã nộp:đ; Số tiền còn nợ:đ
 - 1.4. Lệ phí trước bạ đã nộp:đ; Số tiền còn nợ:đ

Cộng tổng số tiền đã nộp: đ; Số tiền còn nợ:đ
 2. Số tiền đã thanh toán có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước: đ
- (Bằng chữ:)

V. GIẤY TỜ VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT HIỆN CÓ

1.
2.
3.

VI. KIẾN NGHỊ

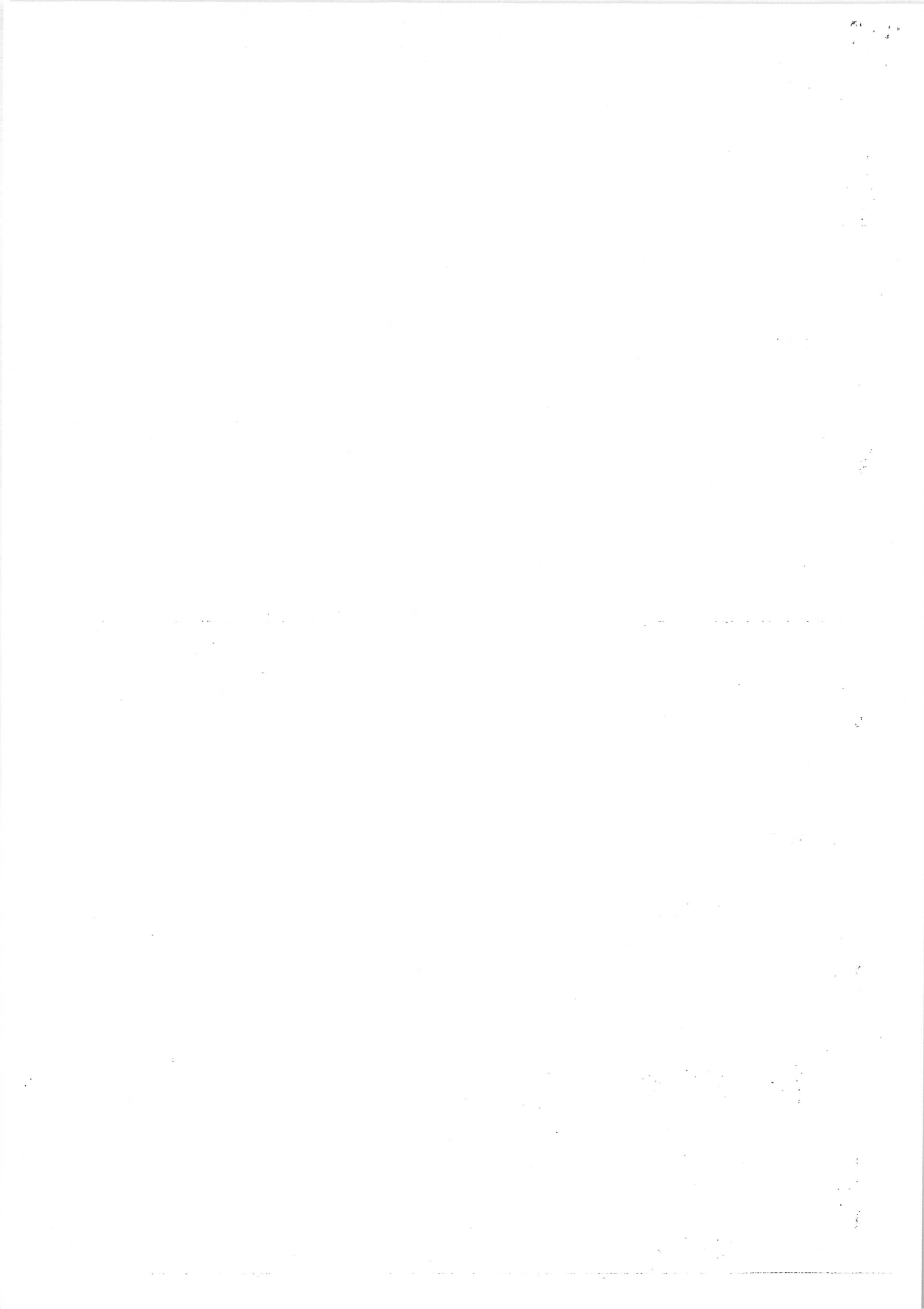
1. Diện tích đất đề nghị được tiếp tục sử dụng: m²
2. Diện tích đất bàn giao cho địa phương quản lý: m²
3. Hình thức sử dụng đất lựa chọn (đối với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp):
(Chọn một trong các hình thức: giao đất có thu tiền, thuê đất trả tiền một lần, thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định của pháp luật).
4. Kiến nghị giải pháp xử lý đối với diện tích đất bị lấn, bị chiếm; đang cho thuê, cho mượn trái phép, tranh chấp; diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ và nhân viên:

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

Kèm theo báo cáo có các giấy tờ sau đây:

- Trích lục bản đồ địa chính (hoặc bản trích đo địa chính khu đất quản lý, sử dụng);
- Thống kê các thửa đất đang sử dụng (nếu có nhiều thửa đất);
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất hiện có (bản sao hoặc bản gốc).

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)



DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:)

Xã huyện tỉnh

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 GCN và trường hợp người được nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

....., ngày tháng năm
Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: Thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Người kê khai

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)

.....

THỐNG KÊ CÁC THỬA ĐẤT

(Kèm theo báo cáo rà soát hiện trạng quản lý sử dụng đất số
ngày tháng năm)

[illegible]

Ghi chú: Mẫu này lập cho toàn bộ diện tích đất của tổ chức và lập theo thứ tự từng tờ bản đồ, từng thửa đất;

Cột 5: ghi tên người đang sử dụng do thuê, mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở;

Cột 6: ghi rõ hình thức “Thuê đất” hoặc “Mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở,...”.

Cột 8: đối với công trình xây dựng thì ghi diện tích xây dựng; đối với cây rừng và cây lâu năm thì ghi diện tích có cây và loại cây chủ yếu

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)